

- Đối với các doanh nghiệp khác, Bộ Thương mại cấp giấy phép nhập khẩu trên cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu do cơ quan có thẩm quyền cấp. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quyền sở hữu công nghiệp và đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

4. Các doanh nghiệp nhập khẩu rượu phải thực hiện các quy định sau:

- Chỉ bán buôn (bán sỉ) rượu nhập khẩu cho các đối tượng có đăng ký kinh doanh mặt hàng rượu theo quy định hiện hành.

- Chấp hành chế độ hóa đơn, chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định và phải cập nhật sổ sách lượng rượu nhập khẩu bán cho từng thương nhân và địa chỉ của họ.

- Gửi báo cáo hàng tháng tình hình nhập khẩu và tiêu thụ rượu nhập khẩu về Bộ Thương mại (Vụ Quản lý xuất nhập khẩu và Vụ Chính sách thương nghiệp trong nước).

III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký đến ngày 31 tháng 3 năm 1999.

Trong quá trình thực hiện, các địa phương, doanh nghiệp cần phản ánh về Bộ Thương mại các vấn đề phát sinh để kịp thời bổ sung, điều chỉnh.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại
Thứ trưởng

NGUYỄN XUÂN QUANG

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 28/1998/TT-BTC ngày 4-3-1998 quy định về hoạt động đại lý, cộng tác viên bảo hiểm.

Thi hành Nghị định số 100-CP ngày 18-12-1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 74-CP ngày 14-6-1997 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều quy định tại Nghị định số 100-CP ngày 18-12-1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm; nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, Bộ Tài chính quy định hoạt động đại lý, cộng tác viên bảo hiểm như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Giải thích từ ngữ.

Trong Thông tư này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

Đại lý bảo hiểm (sau đây gọi tắt là đại lý) là cá nhân được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền bán các sản phẩm bảo hiểm cho công chúng thay mặt doanh nghiệp bảo hiểm và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 74-CP ngày 14-6-1997 của Chính phủ.

Cộng tác viên bảo hiểm (sau đây gọi tắt là cộng tác viên) là các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền bán các sản phẩm bảo hiểm cho công chúng thay mặt doanh nghiệp bảo hiểm trên cơ sở hợp đồng cộng tác viên và không phải là đơn vị trực thuộc doanh nghiệp bảo hiểm.

Hoạt động đại lý, cộng tác viên là phương thức bán bảo hiểm theo đó, đại lý, cộng tác viên chịu trách nhiệm thu xếp việc ký kết các hợp đồng bảo hiểm giữa doanh nghiệp bảo hiểm và người mua bảo hiểm theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm trên cơ sở hợp đồng đại lý hay hợp đồng cộng tác viên để được hưởng hoa hồng bảo hiểm.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm không được phép sử dụng và không được phép trả hoa hồng cho các tổ chức, cá nhân không đủ điều kiện hoạt động cộng tác viên và đại lý.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước người tham gia bảo hiểm về những hoạt động do đại lý, cộng tác viên của mình thực hiện theo hợp đồng đại lý, hợp đồng cộng tác viên đã được ký kết và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chế độ hoa hồng bảo hiểm áp dụng đối với đại lý, cộng tác viên thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76-TC/TCNH ngày 25-10-1995 của Bộ Tài chính quy định chế độ hoa hồng bảo hiểm, Thông tư số 2-TC/TCNH ngày 4-1-1996 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung việc thực hiện chế độ hoa hồng bảo hiểm, và các quy định pháp luật hiện hành.

II. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ, CỘNG TÁC VIÊN

1. Đại lý bảo hiểm.

Cá nhân hoạt động đại lý phải có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 9, Điều 1 Nghị định số 74-CP ngày 14-6-1997 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều quy định tại Nghị định số 100-CP ngày 18-12-1993 của Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm.

2. Cộng tác viên bảo hiểm.

Cộng tác viên là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Việc thực hiện hoạt động cộng tác viên không đối lập với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức nhận làm cộng tác viên và không mâu thuẫn với quyền lợi của doanh nghiệp bảo hiểm.

III. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM VÀ ĐẠI LÝ, CỘNG TÁC VIÊN BẢO HIỂM

1. Doanh nghiệp bảo hiểm có các quyền sau:

- Lựa chọn đại lý, cộng tác viên, cơ cấu, hình thức đại lý, cộng tác viên, ký kết hợp đồng đại lý, cộng tác viên.

- Quy định mức chi trả hoa hồng trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Nhận và quản lý tiền ký quỹ hoặc tài sản thế chấp của đại lý, cộng tác viên (nếu có thỏa thuận trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên).

- Yêu cầu đại lý, cộng tác viên thanh toán tiền phí bảo hiểm thu được theo phương thức đã thỏa thuận.

- Ủy quyền cho đại lý, cộng tác viên thực hiện một số phần việc thuộc trách nhiệm của mình theo quy định trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng đại lý, cộng tác viên.

- Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác do hoạt động đại lý, cộng tác viên mang lại.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

- Ký kết hợp đồng đại lý, hợp đồng cộng tác viên theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức đào tạo và cấp giấy chứng chỉ hoàn thành khóa học đại lý.

- Hướng dẫn và cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động đại lý, cộng tác viên và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin này.

- Thực hiện các trách nhiệm phát sinh theo hợp đồng đại lý, cộng tác viên đã ký kết.

- Thanh toán hoa hồng đúng cam kết trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Hoàn trả cho đại lý, cộng tác viên khoản tiền ký quỹ hoặc tài sản thế chấp (nếu có thỏa thuận), trong trường hợp chấm dứt hợp đồng đại lý, cộng tác viên.

- Chịu trách nhiệm về những thiệt hại hay tổn thất do hoạt động đại lý, cộng tác viên của mình gây ra theo quy định của hợp đồng đại lý, hợp đồng cộng tác viên và các quy định pháp luật có liên quan.

- Theo dõi riêng những hợp đồng bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trực tiếp khai thác và những hợp đồng bảo hiểm do đại lý, cộng tác viên thu xếp để đảm bảo việc chi trả hoa hồng theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động do đại lý, cộng tác viên của doanh nghiệp bảo hiểm tiến hành.

3. Đại lý, cộng tác viên có quyền sau:

- Lựa chọn và ký kết hợp đồng đại lý, cộng tác viên với doanh nghiệp bảo hiểm thích hợp, theo đúng các quy định của pháp luật.

- Được tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đại lý, cộng tác viên do doanh nghiệp bảo hiểm tổ chức.

- Được cung cấp thông tin cần thiết cho các hoạt động của mình và các điều kiện khác để thực hiện hợp đồng đại lý, cộng tác viên.

- Được hưởng hoa hồng và các quyền lợi hợp pháp khác do hoạt động đại lý, cộng tác viên mang lại. Khoản hoa hồng bảo hiểm thu được theo quy định của hợp đồng cộng tác viên được coi là khoản thu của cộng tác viên đó và được sử dụng theo đúng các quy định tài chính hiện hành.

- Yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm hoàn trả tiền ký quỹ hoặc tài sản thế chấp (nếu có thỏa thuận trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên) khi hợp đồng hết hiệu lực.

4. Đại lý, cộng tác viên có nghĩa vụ sau:

- Tự mình giới thiệu, mời chào bán bảo hiểm và các công việc khác có liên quan theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm; cung cấp các thông tin đầy đủ, chính xác cho người tham gia bảo hiểm trong quá trình thu xếp ký kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, giải quyết các khiếu nại... theo phạm vi được ủy quyền trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên.

- Thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên đã ký với doanh nghiệp bảo hiểm.

- Không được đồng thời nhận làm đại lý cho một doanh nghiệp bảo hiểm khác nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm mà mình đang làm đại lý.

- Không được phép tiến hành đồng thời các hoạt động khác có quyền lợi đối lập với quyền lợi của doanh nghiệp bảo hiểm mà mình đang làm đại lý.

- Ký quỹ hoặc thế chấp tài sản cho doanh nghiệp bảo hiểm (nếu có thỏa thuận trong hợp đồng đại lý, cộng tác viên).

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của doanh nghiệp bảo hiểm, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoạt động đại lý, cộng tác viên theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm.

- Ghi chép sổ sách, theo dõi thu chi theo quy định hiện hành về kế toán thống kê.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ, CỘNG TÁC VIÊN

1. Hợp đồng đại lý, cộng tác viên phải được lập thành văn bản.

2. Hợp đồng đại lý, cộng tác viên phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Họ tên, địa chỉ của các bên ký hợp đồng đại lý, cộng tác viên;

- Loại sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm mà đại lý, cộng tác viên được phép tiến hành;

- Phạm vi và địa bàn hoạt động của đại lý, cộng tác viên;

- Quyền và nghĩa vụ của các bên được thỏa thuận căn cứ theo những quy định tại Mục III của Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Chế độ hoa hồng và các chi phí khác;

- Phương thức thanh toán, thời điểm và nơi thanh toán:

+ Thanh toán tiền phí bảo hiểm thu được;

+ Thanh toán tiền thù lao và các chi phí khác;

+ Thanh toán tiền ký quỹ, trả lại tài sản thế chấp;

- Chế độ thưởng, phạt và bồi thường thiệt hại;

- Chế độ thông tin, báo cáo với doanh nghiệp bảo hiểm;

- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng đại lý, cộng tác viên;

- Xử lý tranh chấp.

Ngoài ra, hai bên có thể quy định thêm những vấn đề khác như quảng cáo, tiếp thị, đào tạo, hỗ trợ cơ sở vật chất, kinh phí... phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng đại lý, cộng tác viên chỉ có giá trị pháp lý nếu được hai bên chấp nhận bằng văn bản.

4. Các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ cam kết trong hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng phải chịu trách nhiệm vật chất với bên kia. Nếu trong hợp đồng không có quy định gì khác thì việc vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại áp dụng theo pháp luật hiện hành.

5. Hợp đồng đại lý, cộng tác viên chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng và các bên không thỏa thuận gia hạn;

- Hai bên thỏa thuận chấm dứt trước khi hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng;

- Hợp đồng đại lý, cộng tác viên bị vô hiệu theo các quy định pháp luật hiện hành về vô hiệu hợp đồng kinh tế;

- Một trong các bên đơn phương chấm dứt hợp đồng. Trong trường hợp này, bên đơn phương đình chỉ hợp đồng đại lý, cộng tác viên phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) do việc chấm dứt thực hiện hợp đồng gây ra cho bên kia.

V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký, áp dụng cho hoạt động đại lý, cộng tác viên bảo hiểm tại Việt Nam. Doanh nghiệp bảo hiểm, đại lý, cộng tác viên có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động đại lý, cộng tác viên phù hợp với các quy định tại Thông tư này.

2. Mọi trường hợp vi phạm Thông tư này tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

LÊ THỊ BĂNG TÂM